TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHĨA LỘ** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**16**/HNGĐ-ST
Ngày: 03- 8 – 2022
"V/v Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phú
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
2. Ông Hà Văn Tý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái*** *tham gia phiên toà:* Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:20/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:12/2022/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị T**, sinh năm 1979
Địa chỉ: Tổ A, phường C, thị xã N, tỉnh Yên Bái.
"Vắng mặt có lý do"

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn Đ**, sinh năm 1982
Địa chỉ: Tổ A, phường C, thị xã N, tỉnh Yên Bái.
"Vắng mặt không lý do"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày: Chị và anh Lò Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2001 tại UBND phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường C, thị xã N, sau đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là anh Đ thường xuyên uống rượu say, chị đã nộp đơn ra Tòa xin ly hôn được Tòa án hòa giải vợ chồng về với nhau, nhưng anh Đ vẫn không sửa chữa được, khi uống rượu say còn khóa cửa nhà, đuổi vợ con đi. Nay chị T xác định không còn tình cảm đối với anh Đ nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Lò Thị Khánh L, sinh ngày 13/4/2002 và Lò Thị D, sinh ngày 26/01/2008, cháu L đã trưởng thành, không yêu

cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị T đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn Lò Văn Đ và Đinh Thị T; bản sao giấy khai sinh của Lò Thị D; bản sao căn cước công dân của Đinh Thị T; Thông báo số định danh công dân của Lò Văn Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Đ đồng thời triệu tập anh Đ đến Tòa án làm việc nhưng anh Đ đều cố tình vắng mặt. Thể hiện, việc anh Đ có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ nhưng anh Đ cố tình không đến để giải quyết vụ án. Tại biên bản xác minh thể hiện, chị T và anh Đ có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên uống rượu, nghiện rượu, chửi đánh vợ con, hiện nay chị T đã đem theo con về bên nhà bố mẹ đẻ ở phường T sinh sống, vợ chồng đã ly thân. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, nuôi con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Thịnh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật là không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị T, xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Lò Văn Đ.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lò Thị D, sinh ngày 26/01/2008. Chị T không yêu cầu anh Định phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Ngày 31/3/0222 chị Đinh Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lò Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại phường C, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ, Giấy triệu tập, và Quyết định hoãn phiên tòa số:12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/72022, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Đinh Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị T và anh Lò Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 25/10/2001 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên uống rượu, chửi đánh vợ con. Khi vợ chồng xảy ra xô sát anh Đ còn xua đuổi chị T, hiện nay chị T đã đem theo con về bên nhà bố mẹ đẻ ở phường T sinh sống, vợ chồng đã ly thân, thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị T và anh Đ có 02 con chung là Lò Thị Khánh L, sinh ngày 13/4/2002 và Lò Thị D, sinh ngày 26/01/2008, cháu L đã trưởng thành. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu D cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Lò Văn Đ.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Đinh Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là Lò Thị D, sinh ngày 26/01/2008.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi cón có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2021/0001138 ngày 31/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị T và anh Lò Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND P. Tân An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Phú